**Mẫu B20. BCTKE-BNN**

|  |  |
| --- | --- |
|  (**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ** **ĐỀ TÀI/DỰ ÁN**) | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***............., ngày tháng năm 20...* |

**BÁO CÁO THỐNG KÊ**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN/ĐỀ TÀI TIỀM NĂNG/DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên đề tài, đề án, đề tài tiềm năng, dự án SXTN:**

 Mã số:

 Thuộc *(lĩnh vực KHCN):*

**2. Chủ nhiệm đề tài/dự án:**

Họ và tên: ....................................................................

Ngày, tháng, năm sinh: ............................. Nam/ Nữ: ............................

Học hàm, học vị: .........................................................

Chức danh khoa học: ............................................Chức vụ.....................

Điện thoại: Tổ chức: ................. Nhà riêng: ................ Mobile: ...........

Fax: ....................................... E-mail: ....................................................

Tên tổ chức đang công tác:......................................................................

Địa chỉ tổ chức:........................................................................................

 Địa chỉ nhà riêng: ..............................................................................

**3. Tổ chức chủ trì:**

Tên tổ chức chủ trì đề tài: ......................................................................

Điện thoại: .................................. Fax: ..................................................

E-mail: ....................................................................................................

Website: .................................................................................................

Địa chỉ: ...................................................................................................

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................

Số tài khoản: ...........................................................................................

Ngân hàng: .............................................................................................

Tên cơ quan chủ quản đề tài: ..................................................................

**II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**

**1. Thời gian thực hiện:**

- Theo Hợp đồng đã ký kết: từ tháng …/ năm ……đến tháng …../ năm……

- Thực tế thực hiện: từ tháng ….../năm đến tháng ……/năm

 - Được gia hạn (nếu có):

 - Lần 1 từ tháng…. ..năm…... đến tháng…... năm…...

 - Lần 2 ….

**2. Kinh phí và sử dụng kinh phí:**

a) Tổng số kinh phí thực hiện: ………………tr.đ, trong đó:

+ Kính phí hỗ trợ từ SNKH: ………………….tr.đ.

+ Kinh phí từ các nguồn khác: ……………….tr.đ.

+ Tỷ lệ và kinh phí thu hồi đối với dự án (nếu có): ………….

b) Tình hình cấp và sử dụng kinh phí từ nguồn SNKH:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Số******TT*** | ***Theo kế hoạch*** | ***Thực tế đạt được*** | ***Ghi chú****(Số đề nghị* *quyết toán)* |
| Thời gian(Tháng, năm) | Kinh phí(Tr.đ) | Thời gian(Tháng, năm) | Kinh phí(Tr.đ) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

c) Kết quả sử dụng kinh phí theo các khoản chi:

***Đối với đề tài:***

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Số******TT*** | ***Nội dung*** ***các khoản chi*** | ***Theo kế hoạch*** | ***Thực tế đạt được*** |
| Tổng | SNKH | Nguồn khác | Tổng | SNKH | Nguồn khác |
| 1 | Trả công lao động (khoa học, phổ thông) |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nguyên, vật liệu, năng lượng |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Thiết bị, máy móc |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Xây dựng, sửa chữa nhỏ |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Chi khác |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

- Lý do thay đổi (nếu có):

***Đối với dự án:***

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Số******TT*** | ***Nội dung*** ***các khoản chi*** | ***Theo kế hoạch*** | ***Thực tế đạt được*** |
| Tổng | SNKH | Nguồn khác | Tổng | SNKH | Nguồn khác |
| 1 | Thiết bị, máy móc mua mới |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nhà xưởng xây dựng mới, cải tạo |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Kinh phí hỗ trợ công nghệ |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí lao động |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Nguyên vật liệu, năng lượng |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Thuê thiết bị, nhà xưởng |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Khác |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

- Lý do thay đổi (nếu có):

**3. Các văn bản hành chính trong quá trình thực hiện đề tài/dự án:**

*(Liệt kê các quyết định, văn bản của cơ quan quản lý từ công đoạn xác định nhiệm vụ, xét chọn, phê duyệt kinh phí, hợp đồng, điều chỉnh (thời gian, nội dung, kinh phí thực hiện... nếu có); văn bản của tổ chức chủ trì đề tài, dự án (đơn, kiến nghị điều chỉnh ... nếu có)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Số******TT*** | ***Số, thời gian ban hành văn bản*** | ***Tên văn bản*** | ***Ghi chú*** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

**4. Tổ chức phối hợp thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số******TT*** | ***Tên tổ chức đăng ký theo Thuyết minh*** | ***Tên tổ chức đã tham gia thực hiện***  | ***Nội dung******tham gia chủ yếu*** | ***Sản phẩm chủ yếu đạt được*** | ***Ghi chú\**** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

\* Lý do thay đổi (nếu có):

**5. Cá nhân tham gia thực hiện:**

*(Người tham gia thực hiện đề tài thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số******TT*** | ***Tên cá nhân đăng ký theo Thuyết minh***  | ***Tên cá nhân đã tham gia thực hiện***  | ***Nội dung tham gia chính*** | ***Sản phẩm chủ yếu đạt được*** | ***Ghi chú\**** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

\* Lý do thay đổi ( nếu có):

**6. Tình hình hợp tác quốc tế:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Số******TT*** |  ***Theo kế hoạch****(Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm, tên tổ chức hợp tác, số đoàn, số lượng người tham gia...)* | ***Thực tế đạt được****(Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm, tên tổ chức hợp tác, số đoàn, số lượng người tham gia...)* | ***Ghi chú\**** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

\* Lý do thay đổi (nếu có):

**7. Tình hình tổ chức hội thảo, hội nghị:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Số******TT*** |  ***Theo kế hoạch****(Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm )* | ***Thực tế đạt được*** *(Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm )* | ***Ghi chú\**** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

\* Lý do thay đổi (nếu có):

**8. Tóm tắt các nội dung, công việc chủ yếu:**

*(Nêu tại mục 15 của thuyết minh, không bao gồm: Hội thảo khoa học, điều tra khảo sát trong nước và nước ngoài)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Số******TT*** | ***Các nội dung, công việc chủ yếu*** *(Các mốc đánh giá chủ yếu)* | ***Thời gian*** *(Bắt đầu, kết thúc* *- tháng … năm)* | ***Người, cơ quan thực hiện*** |
| Theo kế hoạch | Thực tế đạt được |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

\* Lý do thay đổi (nếu có):

**III. SẢN PHẨM KH&CN**

**1. Sản phẩm KH&CN đã tạo ra:**

a) Sản phẩm Dạng I:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số******TT*** | ***Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu*** | ***Đơn*** ***vị đo*** | ***Số lượng*** | ***Theo kế hoạch*** | ***Thực tế*** ***đạt được*** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

\* Lý do thay đổi (nếu có):

b) Sản phẩm Dạng II:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Số******TT*** | ***Tên sản phẩm*** | ***Yêu cầu khoa học*** ***cần đạt*** | ***Ghi chú\**** |
| Theo kế hoạch | Thực tế đạt được |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

\* Lý do thay đổi (nếu có):

c) Sản phẩm Dạng III:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Số******TT*** | ***Tên sản phẩm*** | ***Yêu cầu khoa học*** ***cần đạt*** | ***Số lượng, nơi công bố****(Tạp chí, nhà xuất bản)* |
| Theo kế hoạch | Thực tế đạt được |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

\* Lý do thay đổi (nếu có):

d) Kết quả đào tạo:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Số******TT*** | ***Cấp đào tạo, Chuyên ngành đào tạo*** | ***Số lượng*** | ***Ghi chú\*****(Thời gian kết thúc)* |
| Theo kế hoạch | Thực tế đạt được |
| 1 | Thạc sỹ |  |  |  |
| 2 | Tiến sỹ |  |  |  |

\* Lý do thay đổi (nếu có):

e) Thống kê danh mục sản phẩm KHCN đã được ứng dụng vào thực tế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số******TT*** | ***Tên kết quả*** ***đã được ứng dụng*** |  ***Thời gian*** |  ***Địa điểm*** *(Ghi rõ tên, địa chỉ nơi ứng dụng)* |  ***Kết quả*** ***sơ bộ*** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**2. Đánh giá về hiệu quả do đề tài, dự án mang lại:**

a) Hiệu quả về khoa học và công nghệ:

*(Nêu rõ danh mục công nghệ và mức độ nắm vững, làm chủ, so sánh với trình độ công nghệ so với khu vực và thế giới…)*

b) Hiệu quả về kinh tế xã hội:

*(Nêu rõ hiệu quả làm lợi tính bằng tiền dự kiến do đề tài, dự án tạo ra so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường…)*

**3. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo, kiểm tra của đề tài, dự án:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Số******TT*** | ***Nội dung***  | ***Thời gian*** ***thực hiện*** |  ***Ghi chú****(Tóm tắt kết quả, kết luận chính, người chủ trì…)* |
| I | Báo cáo định kỳ  |  |  |
|  | Lần 1 |  |  |
|  | … |  |  |
| II | Kiểm tra định kỳ |  |  |
|  | Lần 1 |  |  |
|  | …. |  |  |
| III | Nghiệm thu cơ sở |  |  |
|  | …… |  |  |
|  |  |  |  |

Tự nhận xét đánh giá của chủ nhiệm đề tài:

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ NHIỆM** (*Họ, tên và chữ ký*) | **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ** (*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*) |